TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2020
V/v tranh chấp:"Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh và bà Bùi Thị Quy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyện- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2020 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày30 tháng 06năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐHPTST-DS ngày 17/7/2020giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982

Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị C, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: Thôn C, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú tại: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Anh Ncó mặt; chị C vắng mặt.

Người làm chứng

- Ông Nguyễn Văn T

Trú tại: Thôn C, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Ông Đặng Văn D và bà Mạc Thị N1

Đều trú tại: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngọctrình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Đặng Thị C trước khi kết hôn có được tự do, tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/01/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại xã A cùng bố mẹ anh.Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên cãi nhau, chị C lại không trung thực và ngang bướng, mọi người trong gia đình góp ý nhưng chị C không nghe nên cuộc sống lúc nào cũng căng thẳng, ngột ngạt, không có hạnh phúc. Gia đình hai bên khuyên giải nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện.Cuối năm 2014, anh đưa chị C và con về nhà bố mẹ đẻ chị Cở xã Nsinh sống. Đến năm 2015 anh đi xuất khẩu lao động sang nước ngoài. Khi lao động ở nước ngoài anh có thỉnh thoảng gọi điện về hỏi thăm con nhưng giữa vợ chồng cũng không nói chuyện gì về việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến khoảng tháng 8/2019 anh về nước và đến nhà bố mẹ chị C nói chuyện để đưa vợ con về nhưng bố mẹ chị C không cho về vì nghĩ rằng nếu có về ở thì cũng không ở lâu được với anh. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 15/11/2013, hiện con chung đang ở cùng chị C. Anh nhất trí để chị C tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Trường hợp chị C không nuôi con anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm việc tại công ty A thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng đủ để anh sinh sống và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành lấy lời khai của chị C, chị C trình bày: Chị và anh N trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N vào ngày 17/01/2013. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà bố mẹ anh N ở xã A. Khoảng 2 năm sau, năm 2015 anh N đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản và mẹ con chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã N sinh sống. Đến tháng 8/2019 anh N về nước nhưng không sang đón mẹ con chị về và nói là không còn tình cảm với chị rồi đề nghị ly hôn chị. Chị xác định giữa chị và anh N không có mâu thuẫn gì còn lý do vì sao anh N xin ly hôn chị thì chị không biết. Chị và anh N sống ly thân từ năm 2015 đến nay.Bản thân chị xác định giữa anh chị không có hạnh phúc, anh N có thi thoảng sang đón con nhưng không quan tâm gì đến chị, từ khi anh N làm đơn xin ly hôn đến nay anh N cũng không sang thăm con nữa mà chỉ có mẹ anh N sang đón cháu về chơi. Nay anh N xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị cũng không đồng ý ly hôn vì chị không chấp nhận một người đàn ông thích thì cưới, không thích thì bỏ.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 15/11/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn nguyện vọng của chị được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị làm tự do thu nhập khoảng từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng. Hiện mẹ con chị đang ở trên một ngôi nhà hai tầng của bố mẹ đẻ chị ở thôn An T, xã N, N, Hải Dương. Bố mẹ chị luôn tạo điều kiện cho mẹ con chị về chỗ ở cũng như hỗ trợ chị thêm về kinh tế, thời gian chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của ông Nguyễn Văn T(bố đẻ của anh N) xác định: anh N, chị C có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình ông ở xã A. Đến cuối năm 2014 chị C và con gái của anh chị về nhà bố mẹ đẻ chị C ở xã N. Năm 2015 anh N đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Trong thời gian này chị C và thông gia không thăm hỏi gì đến gia đình ông, chỉ thi thoảng ông có đón cháu về chơi. Đến năm 2019, anh N về nước giữa hai gia đình thông gia không còn hỏi han đến nhau, chị C cũng không hỏi han gì đến gia đình ông. Ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng của anh N, chị C có mâu thuẫn, vợ chồng sống

với nhau không có hạnh phúc và đã ly thân từ nhau lâu còn nguyên nhân sâu xa ông không nắm được. Nay, anh N làm đơn ly hôn chị C ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai của ông Đặng Văn D và bà Mạc Thị N1(bố mẹ đẻ chị C) xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị C, anh N không có hạnh phúc. Ông bà được biết nguyên nhân là do có việc mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu; bố mẹ anh N còn có hành vi đánh chị C và trong thời gian anh N đi lao động ở nước ngoài cũng không gửi tiền về cho chị C nuôi con. Anh Nlại là người không có lập trường, luôn nghe lời bố mẹ đẻ, không quan tâm gì đến vợ con. Ông bà không chấp nhận được gia đình thông gia và một con rể không có trách nhiệm. Nay anh N xin ly hôn chị Công bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông bà xác định hiện nay con của anh N, chị Cđang sống cùng ông bà và chị C, ông bà cho mẹ con chị C ở một nhà hai tầng trên đất của ông bà. Ngoài ra, ông bà luôn hỗ trợ mẹ con chị C về vật chất cũng như tinh thần nên ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được tiếp tục nuôi con.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Anh N và chị C có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã A. Nay anh N làm đơn xin ly hôn chị C nhưng không yêu cầu hòa giải cơ sở nên địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng.Địa phương chỉ nắm được hiện chị C đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã N sinh sống. Nay anh Nlàm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh N có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C; về con chung: Anhnhất trí để chị C tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 15/11/2013 và anh tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đặng Thị C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu

ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N,Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Đặng Thị C; về con chung:Giao cháu Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 15/11/2013 cho chị Đặng Thị C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng đến khi con tròn 18 tuổi. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở; Về án phí*:* Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách giải quyết việc hôn nhân của anh với chị Đặng Thị C, chị C hiện đang sinh sống tại thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, quyết định xét xử, quyết đinh hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho chị C, người thân của chị C nhưng chị C vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị C là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn N và chị Đặng Thị Cđược tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh N và chị C là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gianthì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, cuộc sống vợ chồng luôn

căng thẳng. Chị C và anh N thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị C không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện chị C không muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy,chị C và anh N không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vợ chồng chị C và anh N đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng,đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà hôm nay,chị C vắng mặt nên HĐXX xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Đặng Thị C là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị C có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 15/11/2013. Anh N nhất trí để chị C tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Thị Bảo T1 đang do chị C nuôi dưỡng, cháu hiện đang khỏe mạnh, phát triển bình thường. Cháu lại là con gái, do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định mọi mặt của trẻ nên cần giao cháu T1 cho chị Ctiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng của anh N và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên:Chị C và anh N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Cxin ly hôn nên phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật và phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 271; 273,Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N

- *Về quan hệ vợ chồng:*Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Đặng Thị C

-*Về con chung:*Xử:Giao cháuNguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 15/11/2013 cho chị Đặng Thị Ctiếp tục nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Nđược quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà anh N không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

- *Về án phí:*Anh Nguyễn Văn Nphải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hônvà 300.000đ tiền án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nđã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0008511ngày 22/4/2020của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách. Anh N còn phải nộp 300.000đ.

Anh Ncó mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngàytuyên ánsơ thẩm.Chị C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã An Sơn, huyện Nam Sách để lưu hộ tịch;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đoàn Thị Điệp